

Số: /BC-PGDĐT

Vĩnh Thuận, ngày tháng 08 năm 2017

BÁO CÁO
Tổng kết năm học 2016-2017
và nhiệm vụ trọng tâm năm học 2017-2018

Năm học 2016-2017 là năm học thứ ba tiếp tục triển khai, thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”, cũng là năm thứ hai quán triệt Nghị quyết Đại hội XI của Đảng bộ huyện Vĩnh Thuận nhiệm kỳ 2016-2020 và nhiệm vụ phát triển Giáo dục và Đào tạo đến năm 2020.

Toàn ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Vĩnh Thuận tiếp tục tập trung thực hiện quy hoạch, phát triển quy mô trường, lớp, nâng cao chất lượng giáo dục, phát triển nguồn nhân lực; đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, gắn với các phong trào thi đua “Hai tốt”, “Hai giỏi” “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”, cuộc vận động “Mỗi thầy giáo, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo” và phong trào thi đua “Mỗi đơn vị, trường học có ít nhất một công trình đổi mới đạt hiệu quả; mỗi cán bộ, công chức, viên chức có ít nhất một hoạt động đổi mới giáo dục thiết thực; mỗi học sinh có ít nhất một việc làm tốt trong học tập và rèn luyện” do ngành Giáo dục và Đào tạo phát động; tập trung thực hiện nhiệm vụ và triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nhằm đổi mới và phát triển sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo.

Trong những điều kiện thuận lợi và khó khăn, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Vĩnh Thuận lãnh đạo toàn ngành hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học 2016-2017 đạt được những kết quả đáng khích lệ trên nhiều mặt công tác. Những kết quả đạt được đã khẳng định tinh thần quyết tâm, nỗ lực phấn đấu của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh toàn ngành, góp phần chuyển biến cơ bản về quản lý và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

Trên cơ sở tổng hợp và phân tích tình hình thực tiễn, báo cáo trình bày kết quả thực hiện năm học 2016-2017 và nhiệm vụ trọng tâm năm học 2017-2018 như sau:

PHẦN THỨ NHẤT
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM NĂM HỌC 2016-2017

I. Khái quát chung

1. Thuận lợi

Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Vĩnh Thuận được sự chỉ đạo chặt chẽ của Sở Giáo dục và Đào tạo; sự quan tâm lãnh đạo sâu sát, kịp thời của Huyện ủy, Hội đồng nhân dân huyện, Ủy ban nhân dân huyện và sự phối hợp hỗ trợ nhiệt tình, tích cực của các ban ngành, đoàn thể liên quan; sự quan tâm và đồng thuận của toàn xã hội đối với sự nghiệp giáo dục và đào tạo của huyện nhà. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho dạy và học được quan tâm đầu tư. Hệ thống mạng lưới trường, lớp học, tiếp tục được điều chỉnh theo quy hoạch và phát triển đều khắp, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác huy động tối đa số trẻ và học sinh trong độ tuổi đến trường.

Đa số cán bộ quản lý giáo dục, công chức, viên chức trong toàn ngành thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, tích cực rèn luyện về phẩm chất đạo đức, không ngừng bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ và nỗ lực, quyết tâm hoàn thành tốt nhiệm vụ. Công tác phổ cập giáo dục các cấp; công tác xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia, thực hiện dạy học cả ngày (SEQAP), mô hình trường học mới Việt Nam (VNEN), Công nghệ giáo dục, các phương pháp dạy học mới đã đạt được những kết quả khả quan, tạo bước đi cơ bản cho việc thực hiện hiệu quả trong những năm học tiếp theo. Đời sống vật chất, tinh thần xã hội từng bước được nâng lên, phụ huynh học sinh có điều kiện quan tâm tốt hơn đến việc học tập của con em.

2. Khó khăn

Vĩnh Thuận là huyện có địa hình đa dạng và phức tạp, nhất là kênh rạch chằng chịt, là một trong những huyện chịu ảnh hưởng nặng nề của Biến đổi khí hậu; điều kiện cơ sở vật chất, trường lớp còn phân tán nhỏ lẻ, trang thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập vẫn còn thiếu và chưa đồng bộ, chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới toàn diện của ngành. Đội ngũ giáo viên, nhân viên vẫn thừa, thiếu cục bộ, không đồng bộ ở các cấp học. Tỷ lệ học sinh ra lớp ở cấp mầm non còn thấp; nguồn chi từ ngân sách cho hoạt động Giáo dục và Đào tạo tuy đã được nâng lên so với giai đoạn trước, nhưng vẫn không đủ đáp ứng yêu cầu thực hiện các chương trình, đề án lớn của ngành Giáo dục và Đào tạo huyện giai đoạn 2016-2020. Sự tác động từ mặt trái của nền kinh tế thị trường tạo ra những thách thức về điều kiện và cơ hội học tập cho con em nhân dân, nhất là khoảng cách chênh lệch giữa hộ giàu và hộ nghèo, giữa địa bàn thành thị với nông thôn, vùng sâu, vùng xa. Từ đó, tạo ra khó khăn cho việc thực hiện bình đẳng, công bằng trong giáo dục.

II. Kết quả cụ thể

1. Công tác quản lý Giáo dục và Đào tạo

Trên cơ sở quán triệt Chương trình hành động, Kế hoạch thực hiện của Huyện ủy, Ủy ban Nhân dân huyện về đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo theo Nghị quyết số 29-NQ/TW, Phòng Giáo dục và Đào tạo đã tích cực triển khai, tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học 2016-2017 gắn với Chiến lược phát triển Giáo dục và Đào tạo đến năm 2020, định hướng đến 2030, nhất là Nghị quyết Đại hội đảng bộ huyện lần thứ XI, trong đó chú trọng về phát triển mạng lưới trường, lớp tiếp tục được sắp xếp theo quy hoạch và phát triển đều khắp, tạo điều kiện thuận lợi để huy động tối đa số trẻ và học sinh trong độ tuổi đến trường. Phòng

Giáo dục và Đào tạo tiếp tục rà soát, điều chỉnh quy hoạch hệ thống mạng lưới trường lớp học, kế hoạch phát triển Giáo dục và Đào tạo đến năm 2020 phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế và xã hội của địa phương từng giai đoạn, khắc phục sự chênh lệch chất lượng giáo dục giữa các địa phương, đơn vị. Trong thực hiện nhiệm vụ Phòng Giáo dục và Đào tạo đã tích cực tham mưu Ủy ban Nhân dân huyện cho thực hiện chủ trương lồng ghép các nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất gắn với việc xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia, trường đạt tiêu chuẩn chất lượng (kiểm định chất lượng), trường học “xanh, sạch, đẹp và an toàn” góp phần thực hiện tốt mục tiêu xây dựng nông thôn mới của địa phương, nâng cao chất lượng Giáo dục và Đào tạo.

Bước vào năm học mới Phòng Giáo dục và Đào tạo tham mưu với Ban tuyên giáo Huyện Ủy tổ chức cho cán bộ, viên chức và người lao động tiếp thu Nghị quyết, phổ biến các văn bản pháp luật cho công chức, viên chức và người lao động qua 8 lớp chính trị hè, có 1128/1137 cán bộ quản lý và giáo viên và nhân viên dự, tỉ lệ 99,2%.

Triển khai, thực hiện phân cấp quản lý Nhà nước về giáo dục theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ, Phòng đã tăng cường phân cấp và giao quyền tự chủ cho Thủ trưởng các đơn vị trong việc xây dựng kế hoạch, chương trình phát triển nhà trường; thực hiện quy chế công khai tài chính, công khai dự toán, quyết toán, các khoản nhân dân đóng góp, mức thu học phí, miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh thuộc đối tượng chính sách xã hội theo đúng quy định. Kết quả các đơn vị thực hiện đã có chuyển biến rõ nét về chất lượng và hiệu quả công việc cụ thể như: Mỗi đơn vị đều có xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, tăng cường công tác quản lý trong nội bộ, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, thúc đẩy phát triển hoạt động, tiết kiệm chi đồng thời hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trên mọi lĩnh vực; nâng cao trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan và tăng cường sự giám sát của cán bộ nhân viên trong việc sử dụng biên chế, kinh phí hoạt động để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Triển khai, thực hiện tốt hoạt động thanh tra chuyên ngành được duyệt, kiểm tra nội bộ, thanh tra chuyên đề, kiểm tra việc quản lý và dự giờ giáo viên các đơn vị trường tiểu học về triển khai và thực hiện chương trình công nghệ giáo dục, triển khai thực hiện mô hình trường học mới; đối với cấp THCS kiểm tra quản lý và dự giờ giáo viên việc vận dụng các ưu điểm của mô hình trường học mới vào giảng dạy; tiếp nhận và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân. Qua đó, kịp thời ngăn ngừa, phát hiện và xử lý những sai phạm trong công tác quản lý đối với các cơ sở giáo dục về quy định tuyển sinh, chuyển trường và các khoản thu, chi trong năm học.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và đổi mới phương pháp dạy học mang lại nhiều hiệu quả thiết thực: Hệ thống trang tin điện tử của các trường và phòng giáo dục kịp thời thông tin đến giáo viên và nhân dân những hoạt động nổi bật của ngành, các văn bản chỉ đạo các cấp; Hệ thống webmail cung cấp tài khoản thư điện tử cho 100% giáo viên và công chức giáo dục huyện tạo điều kiện thuận lợi trao đổi chuyên môn; Hướng dẫn các đơn vị trường học ứng dụng có hiệu quả các phần mềm quản lý miễn phí do Bộ GD&ĐT cấp để đồng bộ dữ liệu

giáo dục như phần mềm quản lý học sinh Smas 3.0, phần mềm quản lý nhân sự PMIS, phần mềm thống kê giáo dục EMIS, phần mềm thống kê phổ cập giáo dục, xóa mù chữ. Năm học qua 100% trường phổ thông in sổ quản lý học sinh từ phần mềm để giảm việc ghi chép sổ quản lý học sinh.

Phòng Giáo dục và Đào tạo chủ động tham mưu, đề xuất với các cấp ủy đảng, chính quyền, phối hợp với các tổ chức chính trị, xã hội để xây dựng môi trường sư phạm “xanh, sạch, đẹp và an toàn” trong và ngoài nhà trường, xóa bỏ các hiện tượng tiêu cực gây bức xúc trong nhân dân; phối hợp các ngành đảm bảo an ninh, trật tự trường học; phòng chống tội phạm, bạo lực, tệ nạn xã hội trong học sinh, các đơn vị trường học đã chủ động phối hợp với Trạm Y tế các xã, thị trấn để khám sức khỏe định kỳ cho học sinh. Kết quả trong năm học không có học sinh nào bị kỉ luật buộc phải thôi học.

2. Tổ chức các hoạt động giáo dục

2.1. Nhiệm vụ chung các cấp học

Triển khai có hiệu quả các cuộc vận động “Mỗi thầy, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”, kết quả trong năm học có nhiều tấm gương điển hình thể hiện qua phong trào các hội thi, góp phần nâng cao chất lượng toàn ngành vượt chỉ tiêu đề ra; phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực” đã biến thành thành hoạt động thường xuyên của ngành, được nhà trường và giáo viên triển khai thực hiện qua từng hoạt động, từng tiết dạy.

Tiếp tục triển khai, thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 05 tháng 12 năm 2011 của Bộ Chính trị về “phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, củng cố kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và THCS, tăng cường phân luồng sau THCS và xóa mù chữ cho người lớn”. Thường xuyên cập nhật hồ sơ vào phần mềm, đối chiếu thực trạng và kết quả đạt được hàng năm, cùng với nhiệm vụ, mục tiêu của ngành, hoàn thành hồ sơ huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi năm 2016. Tỷ lệ người mù chữ trong độ tuổi 15 đến 35 tuổi hàng năm giảm. Tỷ lệ đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục THCS đạt chuẩn ngày càng tăng và vững chắc.

Để đáp ứng việc triển khai đồng bộ các giải pháp để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, Phòng Giáo dục và Đào tạo rà soát và bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển đội ngũ cán bộ quản lý, luân chuyển giáo viên cho phù hợp với điều kiện từng cán bộ quản lý, giáo viên; rà soát, bổ sung kịp thời hiện trạng cơ sở vật chất phục vụ cho công tác quản lý và giảng dạy của giáo viên, nhất là công nghệ thông tin ứng dụng trong quản lý và giảng dạy; cử giáo viên cốt cán có nhiều kinh nghiệm và thành tích trong giảng dạy tập huấn chuyên môn nghiệp vụ do các cấp tổ chức và tổ chức triển khai đại trà cho giáo viên, nhất là các chủ đề bồi dưỡng thường xuyên, kiểm tra đánh giá; chú trọng các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, nhất là vận dụng những ưu điểm của mô hình trường học mới.

Trong giảng dạy quan tâm các phương pháp, hình thức và kỹ thuật dạy học tích cực; đổi mới nội dung, phương thức đánh giá học sinh phù hợp với các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và rèn luyện phương pháp tự học của học sinh; tăng cường kỹ năng thực

hành, vận dụng kiến thức, kỹ năng vào giải quyết các vấn đề thực tiễn; đa dạng hóa các hình thức học tập, chú trọng các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, nghiên cứu khoa học của học sinh; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học

Triển khai thực hiện kịp thời và đầy đủ các chế độ, chính sách ưu đãi đối với học sinh thuộc diện chính sách xã hội, học sinh dân tộc thiểu số; quan tâm tạo cơ hội học tập cho học sinh khuyết tật và học sinh có hoàn cảnh khó khăn nhiều suất học bổng, phần quà trị giá 209 triệu đồng và phối hợp với bảo hiểm xã hội hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn ba cấp học, tổng số 847.070.000 đồng và 13 suất theo Nghị định 116/NĐ-CP, tổng số 1.755 kg gạo.

Kết quả công tác thông tin, truyền thông các chủ trương, giải pháp trong quản lý và đổi mới giáo dục. Đổi mới công tác thi đua khen thưởng gắn với hiệu quả tổ chức các hoạt động giáo dục; nâng cao chất lượng công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường.

2.2. Giáo dục mầm non

Toàn huyện có 8 trường mẫu giáo trên 8 xã, thị trấn. Đảm bảo mỗi xã, thị trấn đều có trường mẫu giáo; huy động 75 lớp/2185 cháu, tăng 6 lớp, tăng 345 cháu so cùng kỳ, trong đó 5 tuổi 1510 cháu, đạt 121% so kế hoạch; huy động 5 tuổi trong địa bàn 1300/1326 cháu đến trường, tỉ lệ 98,3%; có 8/8 trường có tổ chức dạy 2 buổi trên ngày, có 1665 cháu học 2 buổi, tỉ lệ 99,6%, tăng 15,82%.

Cử 4 cán bộ quản lý và giáo viên tập huấn phương pháp dạy học các môn học tạo hình bằng vật liệu mở, phối hợp với phụ huynh giáo dục trẻ trong gia đình, giảng dạy tiếng Anh giáo dục mầm non. Cử 16 cán bộ giáo viên dự các lớp bồi dưỡng thường xuyên do Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức, tổ chức tập huấn chuyên môn nghiệp vụ và bồi dưỡng thường xuyên cho 93 cán bộ quản lý, giáo viên mầm non.

Tổ chức hội thi an toàn giao thông cho các cháu, tổng số có 8 trường/8 đội dự thi, kết quả có 5 đội đạt giải (1 nhất, 1 nhì, 1 ba và 2 khuyến khích); chọn 1 đội dự thi cấp tỉnh, kết quả đạt giải khuyến khích.

Tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm túc đúng chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo nhất giáo dục chương trình mầm non mới, quan tâm chăm sóc và giáo dục trẻ và cháu mẫu giáo. Phối hợp với trạm Y tế xã, thị trấn khám sức khỏe định kỳ cho các cháu.

Phòng Giáo dục đã tổ chức triển khai, thực hiện Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 19/01/2011 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Kiên Giang về thực hiện Đề án phổ cập giáo dục cho trẻ 5 tuổi. Kiện toàn Ban chỉ đạo các xã, thị trấn; chủ động phối hợp với các trường tiểu học và THCS để phúc tra, cập nhật vào phần mềm, hoàn thành hồ sơ đề nghị công nhận 8/8 xã, thị trấn và huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục cho trẻ 5 tuổi tỉ lệ như sau: Trẻ 5 tuổi đến trường 1293 cháu, tỉ lệ 98,18%; trẻ học hai buổi trên ngày 1286 cháu, tỉ lệ 99,46%; số trẻ hoàn thành chương trình giáo dục mầm non mới 1184 cháu, tỉ lệ 94,57%.

Hoàn thành hồ sơ đề nghị công nhận 3 trường đạt chuẩn quốc gia: Mẫu giáo Thị Trấn, Mẫu giáo Vĩnh Bình Bắc, Mẫu giáo Bình Minh (trường Mẫu giáo Thị Trấn công nhận lại), nâng tổng số trường mẫu giáo đạt chuẩn quốc gia lên 4/8 trường, tỉ lệ 50%.

Hoàn thành hồ sơ đề nghị đánh giá ngoài 2 trường, được Sở Giáo dục và Đào tạo đánh giá ngoài 2 trường đạt cấp độ 3 (Mẫu giáo Vĩnh Bình Bắc và Mẫu giáo Bình Minh), nâng tổng số trường được đánh giá ngoài lên 5/8 trường, tỉ lệ 62,5%.

Tuy nhiên, công tác đầu tư xây dựng trường, lớp mầm non còn chậm so với kế hoạch, chưa đáp ứng yêu cầu xã hội; các cơ sở giáo dục còn thiếu phòng chức năng, bếp ăn, thiếu diện tích sân, vườn cho trẻ vận động, khám phá, trải nghiệm. một số phòng học hẹp, còn mượn ở phổ thông, bàn ghế chưa đúng quy cách các cháu, giáo viên rất khó trong việc đổi mới hình thức tổ chức hoạt động cho trẻ. giáo viên nhà trẻ, mẫu giáo còn thiếu theo quy định.

2.3. Giáo dục tiểu học

2.3.1. Phát triển quy mô số lượng

Huy động 388 lớp trên 8299 em đến trường, đạt 99,5% so kế hoạch, bình quân 21,6 em trên lớp; huy động 6 tuổi vào lớp 1 tổng số 1258/1259 em so kế hoạch, tỉ lệ 99,92% (trong địa bàn), so cùng kỳ giảm 12 lớp, giảm 364 học sinh. So đầu năm học giảm 23 em tỉ lệ 0,27%, giảm so cùng kỳ 0.02%.

2.3.2. Thực hiện nhiệm vụ trọng tâm

Triển khai giảng dạy đúng nội dung chương trình các môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tiếp tục triển khai dạy học có tích hợp nội dung, giảm tải chương trình theo quy định ở các môn học đúng khung kế hoạch thời gian năm học của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Cử 9 cán bộ giáo viên dự tập huấn chuyên môn nghiệp vụ hè 3 chuyên đề: Bồi dưỡng tâm lý và quản lý trường phổ thông: Quản lý và hoạt động trải nghiệm: Bồi dưỡng năng lực tự bồi dưỡng và quản lý. Tổ chức tập huấn trường học kết nối và phần mềm quản lý dữ liệu trường tiểu học cho 38 cán bộ quản lý và giáo viên chủ nhiệm. Tổ chức tập huấn môn Tiếng Việt 1 công nghệ giáo dục cho giáo viên mới dạy lớp 1, tập huấn chuyên môn giáo viên mới dạy học theo mô hình trường học mới; Cử 15 cán bộ giáo viên dự tập huấn bồi dưỡng thường xuyên cấp tỉnh; cử 22 cán bộ giáo viên tham gia tập huấn Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT về đánh giá học sinh tiểu học, tổ chức tập huấn cấp huyện 5 lớp/150 cán bộ, giáo viên cốt cán của 19 trường có khối tiểu học.

Tổ chức Hội thi tìm hiểu Luật an toàn giao thông cấp huyện, có 16 đội/19 trường dự thi (riêng 3 trường TH&THCS dự thi đội THCS); kết quả đạt 7 giải (1 nhất, 1 nhì, 1 ba và 4 khuyến khích); chọn một 1 đội dự thi cấp tỉnh, kết quả đạt giải Ba.

Chỉ đạo các đơn vị tham gia chương trình SEQAP báo cáo tổng kết sau 5 năm thực hiện. Chỉ đạo tổ chức dạy các kỹ năng chuẩn bị vào lớp 1 và dạy tuần không môn Tiếng Việt và Công nghệ giáo dục.

Hoàn thành hồ sơ đề nghị công nhận mới và công nhận lại 4 đơn vị trường chuẩn đạt chuẩn quốc gia: Tiểu học Vĩnh Bình Nam 4, Tiểu học Vĩnh Bình Bắc 1, tiểu học Vĩnh Bình Bắc 2, tiểu học Vĩnh Phong 1 (trong đó công nhận mới 1 trường tiểu học Vĩnh Bình Bắc 1), nâng tổng số trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia trong toàn huyện lên 12/15 trường (tăng so cùng kỳ 1 trường), tỉ lệ 80%.

Hoàn thành công tác tự đánh giá 15/15 trường tiểu học, tiếp tục bổ sung hoàn thành các chỉ số, tiêu chí, tiêu chuẩn theo quy định để tăng cấp độ đạt được; đề nghị được Sở giáo dục đánh giá ngoài trường Tiểu học Vĩnh Bình Bắc 4 đạt cấp độ 3, nâng tổng số trường được đánh giá ngoài 5/15 trường, tỉ lệ 33,3%, tăng so cùng kỳ 1 trường.

Thành lập đoàn kiểm tra tư vấn dạy học tiếng Việt lớp 1 chương trình Công nghệ giáo dục, mô hình trường học mới, dạy học hai buổi trên ngày, đã kiểm tra 9/19 trường tiểu học.

Tổ chức dạy học 2 buổi trên ngày dạy theo mô hình trường học mới, có 17/19 trường tổ chức học 2 buổi/ngày, 190 lớp, 3433 học sinh học 2 buổi/ngày; tỉ lệ 40,7%. Tổ chức dạy học theo mô hình trường học mới 190 lớp, 4476 học sinh tỉ lệ 69,57%, so với cùng kỳ số học sinh học 2 buổi/ngày 2657 học sinh, tỉ lệ 30,28%, tăng 2,37%. Có 79 lớp/2080 em học hơn 5 buổi/tuần, tỉ lệ 23,66 %. So cùng kỳ tăng 2,88%.

Mạng lưới trường, lớp tiểu học được chú trọng sắp xếp theo quy hoạch, tạo điều kiện cho học sinh đến trường thuận lợi hơn. Chất lượng giảng dạy các trường theo mô hình VNEN và Công nghệ giáo dục tiếng Việt lớp 1 tiếp tục được củng cố và nâng dần về chất lượng, tạo được niềm tin và đồng thuận của phụ huynh học sinh. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên thích ứng dần việc thay đổi hình thức tổ chức lớp học, phương pháp dạy học theo hướng hoạt động trải nghiệm, phát huy những phẩm chất năng lực người học. Kết quả tiếng Việt lớp 1 Công nghệ giáo dục, có 19/19 trường tham gia giảng dạy, tổng số 78 lớp/1420 học sinh, kết quả cuối năm học xếp loại hoàn thành 1361, tỉ lệ 95,85%; chưa hoàn thành 59, tỉ lệ 4,15%.

Việc triển khai thực hiện Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tạo hiệu ứng tích cực bước đầu, giảm áp lực về điểm số đối với học sinh, giảm hồ sơ hành chính đối với giáo viên; từ đó, hạn chế dần tình trạng dạy thêm học thêm ở một số địa phương. Đa số cán bộ quản lý và giáo viên có tinh thần trách nhiệm, sáng tạo trong việc tiếp cận các hoạt động đổi mới giáo dục. Chất lượng tổ chức các chuyên đề, hội thảo, sinh hoạt chuyên môn từng bước được nâng lên.

Tổ chức dạy tiếng Anh 157 lớp/ 4005 học sinh, trong đó dạy tiếng Anh 4 tiết/ tuần gồm 65 lớp/ 1673 học sinh tỉ lệ 43,24% em. Tiếng Anh tự chọn 92 lớp/20196 học sinh, học 2 tiết trên tuần.

Kết quả rèn luyện của 8299 em như sau:

- Hoàn thành chương trình lớp học 8186/8299 em, tỉ lệ 98,6%; tăng so cùng kỳ 0,1%.

- Chưa hoàn thành lớp học 113/8299 em, tỉ lệ 1,4%; giảm so cùng kỳ 1,14%.
- Khen thưởng 3527/8299 em, tỉ lệ 42,5%; tăng so cùng kỳ 1,3%.
- Năng lực: Đạt 8240/8299 em, tỉ lệ 99,29%; tăng so cùng kỳ 0,36%; Chưa đạt 59/8299 em, tỉ lệ 0,61%, giảm so cùng kỳ 0,42%.
- Phẩm chất: Đạt 8276/8299 em, tỉ lệ 99,72%; giảm so cùng kỳ 0,14%; Chưa đạt 33/8299 em, tỉ lệ 0,28%, tăng so cùng kỳ 0,01%.

Xét hoàn thành chương trình tiểu học 1654/1659 em ở 19 trường có khối học sinh lớp 5, tỉ lệ 99,7%; so cùng kỳ giảm 2,2%.

Phổ cập giáo dục tiểu học đúng: Các xã, thị trấn duy trì kết quả đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 03, tổng số 7/8 xã, thị trấn và mức độ 02 (xã Bình Minh). Tỉ lệ 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học 1383/1486 em, tỉ lệ 93,1%.

Tuy nhiên, kết quả, chất lượng học tập của học sinh tiểu học chưa đồng đều giữa các địa phương. Số lượng trường chuẩn quốc gia có tăng lên so với cùng kỳ, nhưng rất chủ quan, chưa vững chắc, chưa quyết tâm giữ vững thành quả đạt được, chưa rà soát đánh giá hàng năm. Do đó đến khi công nhận lại phải kiện toàn lại hồ sơ; Công tác tự đánh giá và đề nghị đánh giá ngoài có trường chưa chủ động mặc dù đã đạt chuẩn quốc gia, dẫn đến tiến độ đề nghị đánh giá ngoài có tăng lên nhưng chưa cao. Việc tổ chức dạy học 2 buổi/ngày khó thực hiện đối với trường thuộc vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào nhiều người dân tộc, có nhiều điểm lẻ và ít học sinh. Một bộ phận cán bộ quản lý, giáo viên ngại khó khi tiếp cận các nội dung đổi mới trong nhà trường hiện nay.

2.4. Giáo dục Trung học cơ sở

2.4.1. Phát triển quy mô số lượng

Tổng số 128 lớp trên 3890 học sinh, tỉ lệ 99,1% so kế hoạch, so cùng tăng 1 lớp, giảm 69 em; tuyển sinh vào lớp 6 tổng số 1507/1517, tỉ lệ 99,3%; so đầu năm học giảm 44 em, tỉ lệ 1.08%; giảm so cùng kỳ 0.42%.

2.4.2. Thực hiện nhiệm vụ trọng tâm

Chỉ đạo các đơn vị tiếp tục đổi mới phương pháp dạy và học nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo, rèn luyện phương pháp tự học và vận dụng kiến thức, kỹ năng của học sinh theo tinh thần Công văn 5555/BGDĐT-GDTrH ngày 08/10/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; đẩy mạnh việc vận dụng dạy học giải quyết vấn đề, các phương pháp thực hành, dạy học theo dự án trong các môn học; tích cực ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp với nội dung bài học; tập trung dạy cách tư duy, phương pháp tự học; bảo đảm cân đối giữa trang bị kiến thức, rèn luyện kỹ năng và định hướng thái độ, hành vi cho học sinh; chú ý việc tổ chức dạy học phân hoá phù hợp các đối tượng học sinh khác nhau; khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc.

Tiếp tục triển khai mô hình trường học mới đối với lớp 6, lớp 7 theo Công văn số 4068/BGDĐT-GDTrH ngày 18/8/2016 và Công văn số 6359/BGDĐT-GDTrH ngày 04/12/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo đảm bảo phù hợp điều kiện

thực tế của địa phương. Trong năm học 2016-2017, có 2 trường THCS tham gia mô hình trường học mới, tổng số 6 lớp/170 học sinh (trường THCS Thị Trấn và trường THCS Tân Thuận 2).

Triển khai và thực hiện Công văn số 1247/SGDDĐT-GDTrH ngày 15/8/2016 của Sở Giáo dục và Đào tạo, về Hướng dẫn toàn Ngành thực hiện dạy học chương trình tiếng Anh 10 năm theo Đề án “Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008-2020”. Toàn huyện có 4 trường có dạy tiếng Anh 10 năm, có 10 lớp/369 học sinh.

Triển khai và thực hiện có hiệu quả Công văn 1477/SGDDĐT-GDTrH ngày 13/9/2016 của Sở Giáo dục và Đào tạo, về Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục thể chất năm học 2016-2017. Các đơn vị đã thực hiện dạy đủ, đúng và có chất lượng giờ dạy Thể dục, khắc phục tình trạng thiếu sân bãi, dụng cụ luyện tập; trong giờ dạy thực hành, đã tăng cường thời gian vận động hợp lý để rèn luyện sức khỏe, thể chất cho học sinh, kết hợp các trò chơi dân gian để giờ học Thể dục thêm sinh động và hiệu quả.

Cử 11 cán bộ, giáo viên tập huấn giải toán trên máy tính cầm tay, 3 giáo viên tập huấn giáo dục pháp luật, 15 cán bộ quản lý và giáo viên tập huấn giảng dạy mô hình trường học mới lớp 7 THCS; cử 15 cán bộ quản lý và giáo viên tập huấn 3 module theo ba chuyên đề bồi dưỡng thường xuyên của Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức.

Tổ chức tập huấn bồi dưỡng chuyên đề mô hình trường học mới cho 276 cán bộ quản lý và giáo viên và tổ chức tập huấn bồi dưỡng thường xuyên hai module tổng số có 296 cán bộ quản lý và giáo viên dự; tổ chức tập huấn chuyển dữ liệu, cập nhật thông tin minh chứng và upload vào phần mềm kiểm định chất lượng cho 70 cán bộ quản lý và giáo viên dự.

Tổ chức Hội thi giải toán trên máy tính cầm tay Casio cấp huyện, có 50 học sinh dự thi, kết quả có 15 học sinh đạt giải, tỉ lệ 30% (1 nhất, 2 nhì, 4 ba, 8 khuyến khích), chọn 7 học sinh dự thi cấp tỉnh, kết quả đạt 3 (1 ba, 2 khuyến khích); Tổ chức cuộc thi “Văn hay-Chữ tốt”, có 90 học sinh dự thi, kết quả 30 học sinh đạt, tỉ lệ 33%.

Tổ chức thi song ngữ lần đầu tiên giải Toán bằng tiếng Anh, có 36 học sinh dự thi, kết quả có 3 học sinh đạt giải (1 nhất, 1 nhì, 1 ba), tỉ 8,3%, chọn 5 em dự thi cấp tỉnh, kết quả đạt 2 em.

Tổ chức cuộc thi dạy học tích hợp liên môn đối với giáo viên và cuộc thi vận dụng kiến thức liên môn để giải quyết các vấn đề thực tiễn, cuộc thi nghiên cứu khoa học, tổng số có 160 sản phẩm dự thi, kết quả đạt 83 giải (7 nhất, 15 giải nhì, 16 giải ba, 45 giải khuyến khích); chọn 12 sản phẩm dự thi cấp tỉnh, kết quả đạt 6 giải (1 giải Nhì, 2 giải Ba, 3 giải Khuyến khích).

Tổ chức thi học sinh giỏi THCS cấp huyện, có 223 học sinh dự thi/ 9 môn thi, kết quả có 69 học sinh đạt giải, tỉ lệ 37,1% (3 giải nhất, 6 giải nhì, 22 giải Ba và 38 giải khuyến khích), Phòng Giáo dục và Đào tạo phối hợp với 2 trường THPT chọn đội tuyển 30 học sinh bồi dưỡng dự thi cấp, kết quả 12/30 em đạt giải, tỉ lệ 40% (2 giải nhì, 1 giải ba và 9 giải Khuyến khích).

Tổ chức Hội thi Hùng biện Tiếng anh, có 18 đội dự thi, kết quả có 10 đội đạt giải (2 giải nhất, 2 giải nhì, 2 giải ba và 4 giải khuyến khích), Phòng Giáo dục và Đào tạo chọn 4 đội dự thi cấp tỉnh, kết quả có 1 đội đạt giải cấp tỉnh.

Tuyển chọn 4 sản phẩm khoa học kỹ thuật dự thi cấp tỉnh, kết quả có 1 sản phẩm đạt, tỉ lệ 25%;

Kiện toàn hội đồng 11 bộ môn cấp huyện với 108 cán bộ quản lý và giáo viên làm thành viên. Nhiệm vụ cử tham gia các lớp tập huấn, triển khai đại trà cho giáo viên các môn trong toàn huyện, tham gia các hội thi đánh giá chất lượng từng bộ môn.

Hoàn thiện và cấp phát 1121 bằng tốt nghiệp THCS năm học 2015-2016 của 12 hội đồng.

Kết quả rèn 2 mặt giáo dục học của 3890 em như sau:

+ Hạnh kiểm: Tốt 3151/3890 em, tỉ lệ 81,0%, tăng 1,1% so cùng kỳ; Khá 676/3890 em, tỉ lệ 17,4%, so cùng kỳ không thay đổi; Trung bình 62/3890 em, tỉ lệ 1,6%, giảm 16,1% so cùng kỳ; Yếu 1 em, tỉ lệ 0,00%, so cùng kỳ không thay đổi.

+ Học lực: Giỏi 1049 em, tỉ lệ 27,0% tăng 1,9% so cùng kỳ; Khá 1736 em, tỉ lệ 4,46%, tăng 1,1% so cùng kỳ; Trung bình 1079 em, tỉ lệ 27,7%, giảm 2,4% so cùng kỳ; Yếu 25 em, tỉ lệ 0,6%, giảm so cùng kỳ 0,6%; Kém 1 em, tỉ lệ không đáng kể.

+ Học sinh lên lớp thẳng 3864/3890 em, tỉ lệ 99,3%, tăng 1,2% so cùng kỳ; Học sinh thi lại 25, tỉ lệ 0,6%, giảm 0,6% so cùng kỳ; Lưu ban 01, so cùng kỳ không thay đổi.

Tham mưu UBND huyện thành lập 12 Hội đồng xét, công nhận tốt nghiệp THCS, kết quả có 1013 học sinh được công nhận tốt nghiệp THCS trên 1015 dự xét tốt nghiệp, tỉ lệ 99,8%, không thay đổi so cùng kỳ, chia ra xếp loại Giỏi 230/1013, tỉ lệ 22,7%; xếp loại Khá 457/1013, tỉ lệ 45,1%; xếp loại Trung bình 326/1013, tỉ lệ 32,2%. Học sinh tốt nghiệp xếp loại Khá, Giỏi năm học này đạt cao và tăng so với cùng kỳ 12,2%.

2.4.3. Công tác kiểm định và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia

Có 7 trên 10 trường THCS và TH&THCS hoàn thành công tác tự đánh giá, trong năm học này hoàn thành hồ sơ, đề nghị, được Sở Giáo dục và Đào tạo đánh giá ngoài trường TH&THCS Phong Đông, đạt cấp độ 2, nâng tổng số trường được đánh giá ngoài trường THCS lên 6/10 trường, tỉ lệ 60%.

Hoàn thành hồ sơ đề nghị công nhận lại trường THCS Vĩnh Bình Nam 1 và trường THCS Tân Thuận 2 đạt chuẩn quốc gia năm 2017, tính đến hết năm học 2016-2017 toàn huyện có 5/10 trường được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia, so cùng kỳ không tăng, trong đó có 5/5 trường THCS đạt chuẩn, tỉ lệ 100%.

2.4.5. Công tác phổ cập giáo dục Trung học cơ sở

Các xã, thị trấn tiếp tục duy trì kết quả đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở, tỷ lệ đạt chuẩn tăng và vững chắc, kết quả có 2 xã đạt chuẩn mức độ 2 (thị

trần Vĩnh Thuận và xã Vĩnh Bình Bắc), còn lại 6 xã đạt chuẩn mức độ 1, tỉ lệ thanh thiếu niên từ 15-18 tuổi tốt nghiệp THCS 2 hệ 4317/4860, tỉ lệ 88,83%.

2.4.6. Công tác giáo dục đạo đức, lối sống, giá trị sống, kỹ năng sống và văn hóa ứng xử trong nhà trường, chăm sóc sức khỏe của học sinh, phòng, chống đuối nước, tai nạn thương tích trong học sinh; giáo dục bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai, giáo dục về chủ quyền biển, đảo, tiết kiệm năng lượng được các trường quan tâm triển khai, thực hiện. Công tác giáo dục thể chất triển khai thực hiện và đánh giá đúng quy định, kết hợp các trò chơi dân gian để giờ học Thể dục thêm sinh động và hiệu quả. Hướng dẫn học sinh ôn luyện và duy trì bài Thể dục giữa giờ và bài thể dục chống mệt mỏi trong suốt năm học theo Công văn 4509/BGDĐT-GDTrH ngày 03/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Công văn số 1477/SGDĐT-GDTrH ngày 13/9/2016 của Sở Giáo dục và Đào tạo.

2.4.7. Giáo dục thường xuyên

Hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng được sự quan tâm chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền. Sự nhiệt tình của đội ngũ cán bộ – viên chức tại các trường; Công tác tuyên truyền vận động đến các tầng lớp nhân dân bằng nhiều hình thức như: tuyên truyền trong các cuộc họp dân ở các tổ, ấp, khu phố. Phần lớn nhân dân có nhận thức đúng đắn trong việc học tập nhằm nâng cao trình độ văn hóa, nâng cao sự hiểu biết về tiến bộ kỹ thuật để áp dụng trong lĩnh vực sản xuất. Trong năm có 15.252 lượt người tham gia học tập, bồi dưỡng các chuyên đề (học nghề ngắn hạn: 1.271; học các chuyên đề tin học, kỹ thuật nông nghiệp, kinh tế gia đình: 2.829; học kỹ năng sống như giáo dục pháp luật, y tế - sức khỏe, TDTT: 6.032; học các chuyên đề khác: 5.049); Phòng Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo các trung tâm tự đánh giá và tổ chức chức thẩm định kết quả tự đánh giá, kết quả có 04/8 trung tâm xếp loại xuất sắc, 04/8 trung tâm xếp loại khá.

Tuy nhiên, việc huy động các nguồn lực trong xã hội tham gia xây dựng xã hội học tập chưa đạt hiệu quả; đội ngũ báo cáo viên của trung tâm học tập cộng đồng không chuyên sâu; tài liệu tuyên truyền chưa phong phú, đa dạng; công tác khảo sát, điều tra, nắm bắt nhu cầu học tập của người dân chưa kịp thời, thiếu dự báo chính xác.

2.4.8. Công nghệ thông tin

Tổ chức cuộc thi dự địa chí Việt Nam, cấp tiểu học và THCS, có 138 sản phẩm dự thi, kết quả có 67/138 sản phẩm đạt, tỉ lệ 48,6%, chia ra: 5 giải A, tỉ lệ 7,5%; 9 giải B, tỉ lệ 13,4%; 53 giải C, tỉ lệ 79,1%.

Tổ chức 603 học sinh tiểu học và THCS thi qua mạng internet: Thi Tiếng anh 164 em; thi Toán - Tiếng Anh 48 em; Vật lý THCS 45 em; thi Toán - Tiếng Việt 346 em.

Kết quả có 213 em đạt giải, tỉ lệ 35,3%, chia ra: 6 giải Nhất, tỉ lệ 2,8%; 20 giải Nhì, tỉ lệ 2,8%; 51 giải Ba, tỉ lệ 23,9%; 136 giải Khuyến khích, tỉ lệ 63,8%. Thi toán lớp 9 qua mạng cấp quốc gia có 01 em đạt giải đồng được UBND tỉnh tặng Bằng khen.

3. Phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và phong trào thi đua

3.1. Nhân sự

Toàn ngành có 1.137 (không tính 18 bảo vệ), tăng so cùng kỳ 29 nhân sự; Trong tổng số nữ 527, tỉ lệ 46.4%; Dân tộc 51, tỉ lệ 4.5%; Chia ra cán bộ quản lý 71, Giáo viên và Tổng phụ trách đội 948, nhân viên 118. Trình độ chuyên môn đào tạo từ chuẩn trở lên 1.130, tỉ lệ 99,4%; tăng 28, tỉ lệ 2.5%, trong đó trình độ trên chuẩn 856, tỉ lệ 75.3%, tăng 43, tỉ lệ 3.8%, chia ra:

Mầm non: Tổng số 129, chia ra: Cán bộ quản lý 13, nhân viên 21, giáo viên 95. Trình độ trên chuẩn 75, tỉ lệ 58.1%; chuẩn trở lên 129, tỉ lệ 100%.

Tiểu học: Tổng số 682, chia ra: Cán bộ quản lý 33, Nhân viên 45, Giáo viên và Tổng phụ trách đội 604. Trình độ trên chuẩn 551, tỉ lệ 80.8%; chuẩn trở lên 679, tỉ lệ 99,6%; chưa chuẩn 3, tỉ lệ 0,4% (tập trung nhân viên).

Trung học cơ sở: Tổng số 326, chia ra: Cán bộ quản lý 25, Nhân viên 52, Giáo viên và Tổng phụ trách Đội 249. Trình độ trên chuẩn 230, tỉ lệ 70.5%; đạt chuẩn trở lên 310, tỉ lệ 95.0%; chưa chuẩn 16, tỉ lệ 4.9% (tập trung nhân viên).

Tính đến nay toàn ngành có 33 chi bộ/33 đơn vị trường, 736 đảng viên/1.131 nhân sự, tỉ lệ 65,08%, tăng so cùng kỳ 8,02%.

3.2. Sắp xếp đội ngũ:

Trong năm học, Phòng Giáo dục và Đào tạo đã phối hợp tham mưu bổ nhiệm, bổ nhiệm lại 9 cán bộ quản lý, thôi giữ chức vụ 3 cán bộ quản lý; Tham mưu Ủy ban Nhân dân huyện công nhận kết quả thi tuyển viên chức, tổng số có 30 viên chức trúng tuyển, trong đó mầm non 14, tiểu học 07, THCS 09.

Phối hợp với trung tâm Ngoại ngữ, Tin học tỉnh tổ chức kiểm tra tiếng Anh trình độ B cho 392 học viên.

Hoàn thành hồ sơ nghị được Ủy ban Nhân dân tỉnh Kiên Giang bổ nhiệm 1066 giáo viên vào chức danh nghề nghiệp trong sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo, chia ra: 102 giáo viên mầm non, 671 giáo viên tiểu học, 293 giáo viên THCS.

3.3. Chế độ chính sách: Hoàn thành hồ sơ đề nghị và được nâng lương 422 người, phụ cấp thâm niên Nhà giáo 868 người. Đề nghị giải quyết nghỉ việc 9 người, nghỉ hưu 4 người, chuyển đi ngoài huyện 10 người. Thực hiện chế độ chính sách cho viên chức nghỉ việc, chuyển công tác 552.245.889 đồng. Đề nghị nghỉ việc hưởng chế độ 6 người.

3.4. Thi đua: Triển khai đầy đủ các phong trào thi đua trong năm học, tổng hợp và đăng ký thi đua của các đơn vị trường học. Năm học 2016-2017 đề nghị và được khen thưởng 61 tập thể, 262 cá nhân các cấp tặng bằng khen và giấy khen.

3.5. Thanh tra: Phòng Giáo dục và Đào tạo lập kế hoạch thanh tra chuyên ngành thuộc lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo 8 đơn vị trường thuộc xã Vĩnh Bình Bắc và xã Bình Minh và kiểm tra chuyên đề về đổi mới phương pháp giảng dạy, vận dụng mô hình trường học mới, triển khai thực hiện Công nghệ giáo dục lớp 1 và

tiếng Anh hệ 10 năm. Qua thanh tra, kiểm tra, các đoàn công tác đã góp phần chấn chỉnh các đơn vị trường về việc chấp hành nghiêm về các chế độ, chính sách; công tác quản lý và quy chế chuyên môn của Ngành. Việc tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, tập huấn cho cán bộ, công chức và viên chức trong các đơn vị, trường học được duy trì thường xuyên; kịp thời chấn chỉnh những sai phạm, thiếu sót nhằm nâng cao trách nhiệm của cán bộ quản lý trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ; trong công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Thực hiện tốt công tác tiếp công dân; giải quyết khiếu nại kịp thời, đúng quy trình và luật định; quan tâm, tham khảo, theo dõi những ý kiến phản biện, dư luận xã hội hoặc thư nặc danh, từ đó chủ động chấn chỉnh, ngăn ngừa những phát sinh tiêu cực trong hoạt động giáo dục.

3.6. Bồi dưỡng thường xuyên cho cán bộ quản lý và giáo viên

Thực hiện Công văn 1434/SGDDĐT-GDCN&ĐTBD ngày 22 tháng 6 năm 2016 của Sở Giáo dục và Đào tạo về Hướng dẫn nội dung thực hiện công tác bồi dưỡng thường xuyên giáo viên và cán bộ quản lý trường phổ thông từ năm 2016-2017.

Phòng Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức bồi dưỡng thường xuyên cán bộ quản lý và giáo viên từng cấp học nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của giáo viên. Từ đó giáo viên có điều kiện tiếp cận trực tiếp chương trình từ Bộ giáo dục không phải chờ tập huấn, qua bồi dưỡng thường xuyên nhiều giáo viên nâng cao được những thiếu sót để phục vụ trong giảng dạy.

Tuy nhiên, việc quản lý và thực hiện những đổi mới trong nội dung, phương pháp học, kiểm tra đánh giá tại một vài đơn vị thực hiện còn cứng nhắc, chưa linh hoạt, đặc biệt việc tổ chức triển khai mang tính chất hình thức. Trình độ và năng lực giáo viên cũng như đội ngũ cán bộ quản lý chưa đồng đều gây nên những khó khăn trong tiếp cận và triển khai, vẫn có cán bộ quản lý và giáo viên còn mang tính chất đối phó copy của nhau, copy từ mạng, không chịu tự bồi dưỡng để nâng cao nghiệp vụ tay nghề.

Kết quả năm học 2016-2017 có 922/926 giáo viên bồi dưỡng thường xuyên, tỉ lệ 99,6%, trong đó xếp loại Giỏi: 555, tỉ lệ 60,2%; xếp loại Khá 365, tỉ lệ 39,6%; xếp loại Trung bình 7, tỉ lệ 0,2%; Không bồi dưỡng 2 (nghỉ hộ sản). Tổng số có 70/74 cán bộ quản lý bồi dưỡng thường xuyên, kết quả Đạt yêu cầu 60, tỉ lệ 85,7%; Không đạt yêu cầu 10, tỉ lệ 14,3%.

4. Công tác kế hoạch, tài chính và tăng cường cơ sở vật chất

Tổng số hiện có 513 phòng, trong đó kiên cố tổng số 293 phòng, cấp 4 tổng số 220 phòng, chia ra: Mẫu giáo 69 phòng, Tiểu học 318 phòng, Trung học cơ sở 126 phòng.

Năm 2016 triển khai hoàn thành đúng tiến độ các công trình thuộc Phòng Giáo dục và Đào tạo quản lý, sửa chữa, nghiệm thu, đưa vào sử dụng 24 phòng học và xây dựng mới 6 phòng (TH Bình Minh), hoàn thành hồ sơ quyết toán các công

trình. Trong năm 2016 giải ngân đảm bảo vốn theo kế hoạch được bố trí. Hoàn thành danh mục hồ sơ bố trí xây dựng năm 2017.

Phân bổ ngân sách năm 2017, tổng số 132.252.751.888 đồng, chia ra: Mầm non 12.407.409.478 đồng; Tiểu học 87.339.297.656 đồng; THCS 32.506.044.353 đồng; Đầu tư xây dựng nâng cấp cơ sở vật chất cho 8 trường mẫu giáo đạt chuẩn phổ cập giáo dục trẻ mầm non trẻ năm tuổi.

Phòng Giáo dục và Đào tạo chủ động phối hợp với các ban ngành chỉ đạo các đơn vị trường thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách miễn, giảm học phí, chi phí học tập, việc sử dụng và quản lý có hiệu quả các nguồn đầu tư cho giáo dục kết hợp với đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục.

5. Đánh giá chung

5.1. Ưu điểm

Phòng Giáo dục và Đào tạo đã chỉ đạo toàn Ngành hoàn thành các nhiệm vụ, chỉ tiêu của năm 2016 và cả năm học 2016-2017. Hệ thống trường, lớp học tiếp tục được đầu tư nâng cấp, thiết bị giáo dục được tăng cường. Tư tưởng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của Ngành ổn định; đa số đều an tâm công tác, tâm huyết với nghề, vững tin vào đường lối lãnh đạo của Đảng và Nhà nước.

Hiệu lực quản lý ngành từ Phòng đến các trường tiếp tục được tăng cường, kỷ cương được giữ vững. Các cấp quản lý giáo dục thực hiện tốt vai trò tham mưu, cụ thể hóa các chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển giáo dục ở địa phương.

Tích cực đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra, đánh giá; chất lượng giáo dục phát triển ổn định, tỷ lệ huy động học sinh ra lớp tăng, tỷ lệ học sinh lưu ban, bỏ học giảm. Công tác tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục được tổ chức chặt chẽ, đạt chất lượng. Các đơn vị đã chú trọng thực hiện nghiên cứu khoa học, ứng dụng giải pháp tác nghiệp, giải pháp kỹ thuật đạt kết quả thiết thực. Công tác thanh tra, kiểm tra được tăng cường, góp phần ổn định và phát triển sự nghiệp giáo dục.

Việc thực hiện chính sách đối với học sinh dân tộc thiểu số, học sinh và giáo viên vùng khó khăn được quan tâm; hoạt động xã hội hóa giáo dục phát triển sâu rộng, đạt hiệu quả thiết thực. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và giảng dạy tiếp tục được đẩy mạnh. Công tác kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia có nhiều nỗ lực, đạt một số kết quả tích cực trong việc tự đánh giá và đánh giá ngoài chất lượng ở các trường Mầm non, Tiểu học, THCS. huyện đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh công nhận đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi thời điểm tháng 12 năm 2016. công tác phổ biến giáo dục pháp luật; hoạt động ngoài giờ lên lớp gắn với giáo dục kỹ năng sống được thực hiện thường xuyên, gắn với chủ đề và có tính định hướng cụ thể. Triển khai nhân rộng mô hình trường học mới và chương trình Công nghệ giáo dục ở cấp tiểu học đạt kết quả tích cực.

5.2. Nguyên nhân

Đạt được những kết quả trên là do sự nỗ lực phấn đấu tích cực, năng động, khắc phục mọi khó khăn của toàn thể cán bộ, giáo viên, công nhân viên, học sinh; sự quan tâm lãnh đạo và chỉ đạo sâu sát của các cấp ủy Đảng, chính quyền từ huyện đến cơ sở, sự phối hợp có hiệu quả của các ban ngành, đoàn thể chính trị xã hội và sự ủng hộ, chăm lo cho sự nghiệp giáo dục của nhân dân.

5.3. Hạn chế và thiếu sót

Bên cạnh kết quả đạt được, vẫn còn những hạn chế, tồn tại cần phải tiếp tục tập trung khắc phục như: Việc đổi mới nâng cao công tác quản lý giáo dục và phương pháp giảng dạy có tiến bộ nhưng chưa rõ nét. Kết quả đạt được các trường còn chênh lệch nhiều; mạng lưới trường lớp vẫn còn phân tán nhỏ lẻ, ảnh hưởng đến quản lý và dạy học, cơ sở vật chất, trang thiết bị tuy được đầu tư, sửa chữa nhưng chưa đáp ứng kịp nhu cầu đổi mới phương pháp dạy, thiết bị dạy học ngày hư hỏng nhiều không còn đáp ứng tốt cho thí nghiệm và thực hành; trong quản lý có trường để mất đoàn kết nội bộ dẫn đến chất lượng không nâng lên được.

Công tác huy động trẻ đến trường tỉ lệ chưa cao, nhất là độ tuổi 3-4 tuổi, tỉ lệ giáo viên mầm non chưa đáp ứng đủ và kịp thời cho công tác huy động trẻ tăng lên; công tác thanh tra chuyên đề còn ít, chưa kịp thời dẫn đến có đơn vị phát hiện mới khắc phục.

5.4. Nguyên nhân

Những thiếu sót trên có nguyên nhân khách quan do cơ sở hạ tầng còn thấp chưa đáp ứng kịp yêu cầu phát triển giáo dục. Về chủ quan, vai trò lãnh đạo điều hành các đơn vị trường đôi lúc chưa phát huy hết tinh thần trách nhiệm, năng lực chuyên môn nghiệp vụ, lòng yêu nghề của một bộ phận cán bộ, giáo viên còn hạn chế; vai trò tham mưu với cấp ủy, chính quyền có lúc chưa kịp thời.

PHẦN THỨ HAI

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2017-2018

Tiếp tục triển khai, thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, nhất là tiếp tục triển khai, thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 44/NQ-CP ngày 09/06/2014 của Chính phủ với các nhiệm vụ, giải pháp, lộ trình khả thi, phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của địa phương và triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XI, nhiệm kỳ 2015-2020; Báo cáo tổng kết năm học 2016-2017 và nhiệm vụ trọng tâm năm học 2017-2018 số 1130/BC-SGDĐT ngày 24/07/2017 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Kiên Giang.

Toàn Ngành tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đẩy mạnh phong trào thi đua “Dạy tốt, học tốt”, thực hiện những giải pháp lâu dài nhằm phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

Tiếp tục triển khai, thực hiện Kế hoạch hành động của ngành Giáo dục và Kế hoạch của các đơn vị trường học toàn ngành chú trọng phát triển quy mô, nâng cao chất lượng giáo dục, phát triển nguồn nhân lực, đẩy mạnh phong trào

thi đua “dạy tốt, học tốt”, thực hiện những nhiệm vụ và giải pháp nhằm đổi mới và phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo tập trung vào 5 nhóm nhiệm vụ trọng tâm sau đây:

1. Công tác quản lý Giáo dục và Đào tạo

Toàn Ngành tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, triển khai thực hiện có hiệu quả các Chương trình, Kế hoạch hành động của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban Nhân dân tỉnh Kiên Giang, Ủy ban Nhân dân huyện Vĩnh Thuận để thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; Quyết định số 404/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông. Tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 16/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; gắn với việc tiếp tục quán triệt, cụ thể hóa nội dung Nghị quyết TW 4 (khóa XI) “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng”.

Triển khai và thực hiện các cuộc vận động, các phong trào thi đua của Ngành bằng những hoạt động thiết thực, hiệu quả, phù hợp điều kiện từng địa phương, đơn vị gắn với việc đổi mới hoạt động giáo dục của nhà trường, rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh tại mỗi cơ quan quản lý và cơ sở giáo dục. Tăng cường công tác phản biện xã hội để kịp thời điều chỉnh công tác quản lý, chỉ đạo của Phòng và các đơn vị trường học.

Quán triệt sâu sắc đội ngũ cán bộ quản lý từ quan điểm, tư tưởng chỉ đạo đến mục tiêu, nội dung, phương pháp, các điều kiện bảo đảm đủ thực hiện; đổi mới từ sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đến hoạt động của các đơn vị và việc tham gia của gia đình, cộng đồng, xã hội và bản thân người học; đổi mới ở tất cả các bậc học.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra giáo dục các cấp; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động thanh tra, tự kiểm tra của các cơ sở giáo dục. Tập trung giám sát, chấn chỉnh, ngăn ngừa các tiêu cực về lạm thu, dạy thêm học thêm, xử lý nghiêm các vi phạm của các cơ sở giáo dục và thông báo công khai trước công luận.

Tích cực xây dựng môi trường sư phạm lành mạnh trong và ngoài nhà trường, xóa bỏ các hiện tượng tiêu cực gây bức xúc trong nhân dân; đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn trường học, phòng chống tội phạm, bạo lực, tệ nạn xã hội trong học sinh.

Tiếp tục thực hiện tốt công tác cải cách hành chính nhà nước. Đẩy mạnh công tác tự đánh giá và đề nghị đánh giá ngoài các đơn vị trường đủ điều kiện; tiếp tục đổi mới công tác thi đua khen thưởng theo hướng thiết thực, hiệu quả theo đúng tinh thần của Luật Thi đua, Khen thưởng; đẩy mạnh ứng dụng Công nghệ

thông tin trong công tác quản lý và giảng dạy, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu tập trung, trực tuyến góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

Tổ chức thực hiện đạt hiệu quả về “Phát triển và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong ngành Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2016-2020”; “Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo đến năm 2020”; “Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, trường trọng điểm”; “Nâng cao chất lượng giáo dục thể chất trong trường học”; “Dạy và học ngoại ngữ theo đề án 2020”. Nhất là xây dựng mới 1 trường đạt chuẩn quốc gia và công nhận lại 4 trường (Mẫu giáo Vĩnh Bình Nam (công nhận mới), MG Vĩnh Phong, TH Tân Thuận 2, TH Vĩnh Phong 4, THCS Vĩnh Thuận, THCS Thị Trấn).

2. Tổ chức hoạt động giáo dục

2.1. Nhiệm vụ chung của các cấp học

Thực hiện đầy đủ và kịp thời các chế độ, chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và học sinh; quan tâm tạo cơ hội học tập cho học sinh khuyết tật, học sinh thuộc hộ nghèo và học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

Nêu cao tinh thần đổi mới và sáng tạo trong quản lý và tổ chức các hoạt động giáo dục. Tập trung đổi mới phong cách, nâng cao hiệu quả công tác quản lý đối với các cơ sở giáo dục theo hướng tăng cường phân cấp quản lý, thực hiện quyền tự chủ của nhà trường trong việc thực hiện kế hoạch giáo dục đi đôi với việc nâng cao năng lực quản trị nhà trường, trách nhiệm giải trình của đơn vị, cá nhân thực hiện nhiệm vụ và chức năng giám sát của xã hội, kiểm tra của cấp trên.

Nâng cao chất lượng hoạt động chuyên môn, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý. Tiếp tục đổi mới đồng bộ phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá chất lượng giáo dục; tăng cường mối quan hệ thúc đẩy lẫn nhau giữa các hình thức và phương pháp tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục, đánh giá trong quá trình dạy học, giáo dục và đánh giá kết quả giáo dục nhằm phát triển năng lực và phẩm chất học sinh.

Thực hiện thường xuyên, hiệu quả các phương pháp, hình thức và kỹ thuật dạy học tích cực; đổi mới nội dung, phương thức đánh giá học sinh phù hợp với các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và rèn luyện phương pháp tự học của học sinh; tăng cường kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức, kỹ năng vào giải quyết các vấn đề thực tiễn; đa dạng hóa các hình thức học tập, chú trọng các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, nghiên cứu khoa học của học sinh; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học.

Tích cực xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia theo lộ trình đề ra. Duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; tiếp tục củng cố kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở, thực hiện xóa mù chữ, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục trung học. Tích cực đổi mới nội dung, phương thức tổ chức hoạt động giáo dục hướng nghiệp trong trường trung học, phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và trung học phổ thông; đa dạng hóa phương thức học tập đáp ứng nhu cầu nâng cao hiểu biết và tạo cơ hội học tập suốt đời cho mọi người.

2.2. Giáo dục Mầm non

Tiếp tục củng cố, quy mô, mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương, tăng tỷ lệ huy động trẻ đến trường, tỷ lệ học bán trú, học 2 buổi/ngày. Tiếp tục thực hiện các biện pháp phòng chống suy dinh dưỡng, phòng chống béo phì. Phát huy hiệu quả các trang thiết bị đã được cấp; nhân rộng việc sử dụng các phần mềm giáo dục, nuôi dưỡng trẻ: Kidsmart, Happykid, Nutrikids và các phần mềm quản lý khác.

Đổi mới hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm và tăng cường các điều kiện để nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình giáo dục mầm non; hỗ trợ thực hiện chương trình ở các vùng khó khăn, vùng sâu. Tiếp tục ưu tiên các nguồn lực để đảm bảo chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, tạo cơ sở phát triển bền vững giáo dục mầm non giai đoạn 2016-2020.

Tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra các cơ sở giáo dục mầm non để đảm bảo nâng cao chất lượng giáo dục và chăm sóc trẻ. Quan tâm bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên. Áp dụng nhiều giải pháp quản lý, kiên quyết không để xảy ra ngộ độc thực phẩm, tai nạn thương tích cũng như tình trạng ngược đãi, bạo hành đối với trẻ em

2.3. Giáo dục tiểu học

Tiếp tục triển khai có hiệu quả Mô hình trường học mới Việt Nam (VNEN) theo hướng dẫn tại Công văn số 1296/BGDĐT-GDTH ngày 30/3/2016 về Hướng dẫn triển khai Mô hình trường học mới Việt Nam ở tiểu học từ năm 2016-2017. Tiếp tục triển khai phương pháp “Bàn tay nặn bột” theo hướng dẫn tại Công văn số 3535/BGDĐT-GDTrH ngày 27/5/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Triển khai dạy học Mỹ thuật theo phương pháp mới tại các trường tiểu học theo Công văn số 2070/CV BGDĐT-GDTH ngày 12/5/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai dạy học Mỹ thuật theo phương pháp mới ở TH và THCS. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả dạy học Tiếng Việt lớp 1, Công nghệ giáo dục theo Quyết định số 2222/QĐ-BGDĐT ngày 01/7/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Kế hoạch triển khai dạy học Tiếng Việt lớp 1 - Công nghệ giáo dục năm học 2016-2017.

Tích cực triển khai chương trình tiếng Anh thực hiện Đề án “Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008-2020” theo Quyết định số 1400/QĐ-TTg ngày 30/9/2008 của Thủ tướng Chính phủ.

Chỉ đạo các đơn vị trường tiểu học chủ động xây dựng kế hoạch giáo dục theo định hướng phát triển năng lực học sinh, phù hợp với tình hình thực tế của trường thông qua việc tăng cường các hoạt động thực hành vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn, chú trọng giáo dục đạo đức, giá trị sống, rèn luyện kỹ năng sống, hiểu biết xã hội cho học sinh; điều chỉnh nội dung và yêu cầu các môn học và các hoạt động giáo dục một cách linh hoạt, đảm bảo tính vừa sức, phù hợp với đối tượng học sinh, thời gian thực tế và điều kiện dạy học của địa phương trên cơ sở chuẩn kiến thức, kỹ năng và định hướng phát triển năng lực học sinh; tăng cường đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, giáo dục theo hướng phát huy

tính chủ động, tích cực, tự học. Tiếp tục tổ chức hiệu quả sinh hoạt chuyên môn tại các tổ, khối chuyên môn trong trường và giữa các trường tiểu học; chú trọng đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động dự giờ, nghiên cứu bài học. Động viên giáo viên tham gia sinh hoạt chuyên môn qua trang mạng thông tin “Trường học kết nối”.

Tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh tiểu học theo Thông tư 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/8/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định đánh giá học sinh tiểu học đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo nhằm hỗ trợ giáo viên khắc phục khó khăn về kỹ thuật khi thực hiện đánh giá học sinh: Nhận xét, hướng dẫn bằng lời nói trực tiếp để hỗ trợ học sinh vượt qua khó khăn trong các giờ học và hoạt động giáo dục, tránh thực hiện máy móc việc ghi chép nhận xét; giúp các cấp quản lý quy định hồ sơ hợp lý, khuyến khích sử dụng hồ sơ điện tử để giảm nhẹ sức lao động cho giáo viên tập trung vào hoạt động chuyên môn.

Thường xuyên tổ chức bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên để thực hiện tốt các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực; tiếp tục thực hiện việc “Đổi mới sinh hoạt chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học” nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

Tăng quyền chủ động cho đơn vị trường trong việc xây dựng, tổ chức các hoạt động giáo dục, nhất là trong việc thực hiện chương trình, điều chỉnh nội dung dạy học cho phù hợp với đối tượng học sinh. Bên cạnh chất lượng đại trà, chú ý phát triển năng lực đối với học sinh giỏi, xuất sắc, học sinh năng khiếu. Tiếp tục mở rộng và nâng cao chất lượng dạy học 2 buổi/ngày, loại hình trường bán trú ở những nơi có điều kiện. Cùng cố vững chắc công tác phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ; gắn kết chặt chẽ việc xây dựng trường “Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn” với xây dựng trường chuẩn quốc gia.

Tổ chức dạy song ngữ thí điểm đối với trường tiểu học Thị Trấn 1 và trường tiểu học Tân Thuận 2.

Tổ chức và chọn cử dự đủ các Hội thi quy định kèm theo khung kế hoạch thời gian năm học của Ủy ban Nhân dân tỉnh Kiên Giang, nhất là thi giáo viên dạy giỏi các cấp.

2.4. Giáo dục Trung học cơ sở

Tiếp tục đổi mới mục tiêu, nội dung, hình thức kiểm tra, thi và đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của học sinh theo hướng đánh giá năng lực, phẩm chất người học; tiếp tục khắc phục tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục; tổ chức kiểm tra, đánh giá, thi cử đúng thực chất; xác định rõ trách nhiệm của cán bộ quản lý và giáo viên đối với chất lượng, kết quả Giáo dục và Đào tạo của từng đơn vị; tăng cường công tác kiểm định chất lượng giáo dục đối với các trường khắc phục những điểm yếu được đoàn đánh giá ngoài đánh giá không đạt; kịp thời phát hiện và xử lý vi phạm về dạy thêm, học thêm không đúng quy định.

Tiếp tục triển khai dạy học thí điểm chương trình tiếng Anh đối với 6/10 trường; triển khai thí điểm dạy học song ngữ Toán bằng tiếng Anh một số tiết trong năm học, nhất là trường THCS Thị Trấn.

Tiếp tục rà soát đẩy nhanh quá trình xây dựng trường THCS Vĩnh Thuận, THCS Thị Trấn công nhận lại đạt chuẩn quốc gia theo Thông tư số 47/2012/TT-BGDĐT ngày 07/12/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Giao quyền chủ động cho các trường học trong việc xây dựng kế hoạch dạy học phù hợp với điều kiện của từng đơn vị, trên cơ sở đảm bảo thời gian kết thúc học kỳ, kết thúc năm học đúng khung kế hoạch thời gian năm học; có đủ thời lượng dành cho luyện tập, ôn tập, thí nghiệm, thực hành và kiểm tra định kỳ. Việc tổ chức dạy và học của trường cần thực hiện phù hợp với phương án đổi mới công tác thi tốt nghiệp của Bộ Giáo dục.

Tổ chức và chọn cử dự đủ các Hội thi quy định kèm theo khung kế hoạch thời gian năm học của Ủy ban Nhân dân tỉnh Kiên Giang, nhất là thi giáo viên dạy giỏi các cấp, tham gia cuộc thi khoa học kỹ thuật,...

Hoàn thiện cấp phát bằng tốt nghiệp THCS năm học 2016-2017 và xét, công nhận tốt nghiệp THCS năm học 2017-2018 đúng quy chế và tuyển sinh năm học 2018-2019.

3. Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

Tiếp tục rà soát, sắp xếp lại đội ngũ trên cơ sở Đề án vị trí, việc làm, trong đó đặc biệt quan tâm đến việc giải quyết tình trạng thừa, thiếu giáo viên ở các ngành học, cấp học; chú trọng công tác phát triển Đảng.

Tập trung phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục về năng lực xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường theo định hướng phát triển năng lực học sinh; năng lực đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá, tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo; đổi mới sinh hoạt chuyên môn. Chú trọng nâng cao năng lực và trách nhiệm của giáo viên chủ nhiệm lớp, của tổ chức Đoàn, Hội, Đội, gia đình và cộng đồng trong việc quản lý, phối hợp giáo dục toàn diện học sinh.

Tổ chức bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên ở các đơn vị trường, gắn với nhu cầu đào tạo nhân lực của ngành và đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông. Tiếp tục rà soát, điều chuyển cán bộ, sàng lọc, luân chuyển giáo viên giữa các đơn vị nhằm đồng bộ hóa về cơ cấu, loại hình giáo viên, điều hòa chất lượng và đảm bảo biên chế theo quy định.

Tiếp tục bồi dưỡng tiếng Anh cho giáo viên để đáp ứng việc triển khai chương trình dạy và học ngoại ngữ mới trong các trường phổ thông. Tiếp tục thực hiện quy trình đánh giá cán bộ quản lý và giáo viên theo Chuẩn quy định. Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá, xếp loại các giờ dạy của giáo viên một cách thực chất. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý dữ liệu đội ngũ các cấp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách và chăm lo tốt hơn đời sống vật chất, tinh thần cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên. Giải quyết kịp thời các thắc mắc, kiến nghị về thực hiện chế độ chính sách, chế độ làm việc của đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên.

4. Đổi mới cơ chế tài chính giáo dục và tăng nguồn lực đầu tư

Tiếp tục thực hiện đổi mới cơ chế tài chính giáo dục; huy động, sử dụng và quản lý có hiệu quả các nguồn đầu tư cho giáo dục; đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục; ưu tiên các nguồn lực thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi đảm bảo chất lượng.

Triển khai và thực hiện tốt quy hoạch chi tiết mạng lưới trường, lớp các cấp học trên địa bàn huyện giai đoạn 2015-2020; củng cố và tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục; triển khai thực hiện có hiệu quả công tác tự đánh giá, cuối năm học 100% trường phải hoàn thành tự đánh và đề nghị đánh giá ngoài các trường có đủ điều kiện.

Triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội về Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2016-2020. Tiếp tục thực hiện lồng ghép các nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất gắn với việc xây dựng trường chuẩn quốc gia, góp phần thực hiện mục tiêu xây dựng nông thôn mới.

5. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy, học và quản lý giáo dục

Tiếp tục triển khai hiệu quả Đề án tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ hoạt động dạy và học theo các văn bản chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quyết định số 2251/QĐ-UBND ngày 07/10/2016 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt đề án “Phát triển và đẩy mạnh công nghệ thông tin trong ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016 -2020.

Sử dụng có hiệu quả và cập nhật dữ liệu đúng, đủ, chính xác để đồng bộ dữ liệu liên thông giữa Phòng Giáo dục và Đào tạo với các trường; đưa vào sử dụng tốt hệ thống hội nghị truyền hình, tập huấn qua mạng.

Tăng cường sử dụng số điện tử trong nhà trường; bổ sung và khai thác sử dụng có hiệu quả kho bài giảng e-learning phục vụ nhu cầu tự học và đổi mới, sáng tạo trong hoạt động dạy và học.

II. BIỆN PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Để hoàn thành chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra trong năm học 2017-2018, toàn ngành tập trung thực hiện những biện pháp chủ yếu như sau:

Tăng cường tham mưu với Cấp ủy, Chính quyền địa phương để có sự chỉ đạo kịp thời; chủ động phối hợp với các ban ngành, đoàn thể và các tổ chức chính trị xã hội để thực hiện nhiệm vụ chính trị xã hội của ngành, tạo mối quan hệ giữa giáo viên với phụ huynh học sinh, giữa nhà trường với chính quyền địa phương.

Tăng cường công tác tuyên truyền ý thức chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và của ngành. Phát huy tinh thần trách nhiệm,

lương tâm nghề nghiệp của cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên đối với ngành, với học sinh và với nhân dân. Đẩy mạnh thực hiện chủ trương xã hội hoá giáo dục, phối kết hợp có hiệu quả với ban ngành, đoàn thể, chính trị xã hội nhằm khắc phục học sinh bỏ học sau tết Nguyên Đán tỉ lệ thấp nhất.

Chỉ đạo chặt chẽ việc thực hiện nội dung chương trình, đổi mới phương pháp dạy học; tăng cường các hoạt động chuyên môn; đổi mới có chiều sâu về dạy và học. Phát huy hơn nữa về nghiên cứu, tìm tòi, kích thích sự hứng thú và say mê học tập của học sinh.

Thực hiện có hiệu quả hơn nữa công tác đổi mới việc ra đề kiểm tra, thi và đánh giá đúng thực chất, bồi dưỡng giúp học sinh yếu, kém đạt chuẩn kiến thức.

Đổi mới công tác quản lý để đáp ứng yêu cầu của xã hội và yêu cầu của Đảng, Nhà nước, thanh tra chuyên ngành, kiểm tra chuyên đề theo kế hoạch nhất là thanh tra đột xuất về công tác quản lý và hoạt động chuyên môn để đạt kế hoạch được duyệt.

Tuyên truyền các cuộc vận động lớn trong ngành. Xây dựng tập thể sư phạm đoàn kết, nhất trí và phân hoàn thành tốt nhiệm vụ; Thực hiện có hiệu quả công tác thi đua, khen thưởng đúng thực chất hơn, những đơn vị, cá nhân được khen thưởng phải có thành tích nổi bật và toàn diện.

Sự quan tâm của Cấp ủy, Chính quyền, sự phối hợp của các cấp, các ngành, các đoàn thể, các địa phương và với nỗ lực phấn đấu của toàn ngành thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ năm học, tạo tiền đề đáp ứng tốt hơn yêu cầu hình thành lớp thanh niên có năng lực công dân mới, phát triển nguồn nhân lực có chất lượng và góp phần bồi dưỡng nhân tài cho đất nước trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2016-2017 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm học 2017-2018 của ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Vĩnh Thuận./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT Kiên Giang;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND và UBND huyện;
- Ông Phạm Văn Hậu PCT.UBND huyện;
- Ban Tuyên Giáo Huyện;
- Ban Dân Vận Huyện;
- Hội khuyến học huyện;
- Các xã, thị trấn trong huyện;
- 33 đơn vị trường trực thuộc;
- Trường THPT Vĩnh Bình Bắc và THPT Vĩnh Phong;
- Lưu: VT, Phong.

TRƯỞNG PHÒNG

Huỳnh Minh Tâm

Biểu số 13-TH-CL

BÁO CÁO THỐNG KÊ CHẤT LƯỢNG HỌC SINH TIỂU HỌC
Năm học 2016-2017

	Tổng số	Chia ra				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I. Tổng số HS xếp loại cuối năm	8299	1420	1808	1802	1610	1659
Chia ra: - Hoàn thành chương trình lớp học	8186	1361	1783	1786	1602	1654
- Chưa hoàn thành chương trình lớp học	113	59	25	16	8	5
- Khen thưởng	3524	713	800	679	640	692
II. Tổng số HS xếp loại môn học						
1.Toán	8299	1420	1808	1802	1610	1659
Chia ra: - Hoàn thành tốt	4432	905	1054	881	753	839
- Hoàn thành	3760	472	742	910	849	787
- Chưa hoàn thành	77	43	12	11	8	3
2.Tiếng Việt	8299	1420	1808	1802	1610	1659
Chia ra: - Hoàn thành tốt	4236	814	900	873	747	902
- Hoàn thành	3963	551	885	918	857	752
- Chưa hoàn thành	100	55	23	11	6	5
3.Khoa học	3269	x	x	x	1610	1659
Chia ra: - Hoàn thành tốt	1873	x	x	x	890	983
- Hoàn thành	1395	x	x	x	719	676
- Chưa hoàn thành	1	x	x	x	1	0
4.Lịch sử & Địa lý	3269	x	x	x	1610	1659
Chia ra: - Hoàn thành tốt	1817	x	x	x	838	979
- Hoàn thành	1449	x	x	x	769	680
- Chưa hoàn thành	3	x	x	x	3	0
5. Ngoại ngữ	4005	0	0	1353	1347	1305
Chia ra: - Hoàn thành tốt	1668	0	0	574	544	550
- Hoàn thành	2345	0	0	787	803	755
- Chưa hoàn thành	3	0	0	2	1	0
6.Tiếng dân tộc	0	0	0	0	0	0
Chia ra: - Hoàn thành tốt	0	0	0	0	0	0
- Hoàn thành	0	0	0	0	0	0
- Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0
7.Tin học	3082	118	175	788	993	1008
Chia ra: - Hoàn thành tốt	1430	44	91	330	464	501
- Hoàn thành	1606	30	83	458	528	507
- Chưa hoàn thành	2	0	1	0	1	0

	Tổng số	Chia ra				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
8.Đạo đức	8299	1420	1808	1802	1610	1659
Chia ra: - Hoàn thành tốt	4422	767	984	966	817	888
- Hoàn thành	3868	645	823	836	793	771
- Chưa hoàn thành	9	8	1	0	0	0
9.Tự nhiên và Xã hội	5030	1420	1808	1802		
Chia ra: - Hoàn thành tốt	2672	741	979	952		
- Hoàn thành	2341	664	827	850		
- Chưa hoàn thành	15	13	2	0		
10.Âm nhạc	8299	1420	1808	1802	1610	1659
Chia ra: - Hoàn thành tốt	3518	657	829	693	658	681
- Hoàn thành	4774	756	979	1109	952	978
- Chưa hoàn thành	7	7	0	0	0	0
11.Mĩ thuật	8299	1420	1808	1802	1610	1659
Chia ra: - Hoàn thành tốt	3637	692	838	719	659	729
- Hoàn thành	4651	727	960	1083	951	930
- Chưa hoàn thành	1	1	0	0	0	0
12.Thủ công	5030	1420	1808	1802		
Chia ra: - Hoàn thành tốt	2510	715	938	857		
- Hoàn thành	2508	693	870	945		
- Chưa hoàn thành	12	12	0	0		
13. Kỹ thuật	3269				1610	1659
Chia ra: - Hoàn thành tốt	1655				793	862
- Hoàn thành	1613				817	796
- Chưa hoàn thành	1				0	1
14.Thể dục	8299	1420	1808	1802	1610	1659
Chia ra: - Hoàn thành tốt	3614	659	874	728	633	720
- Hoàn thành	4677	754	934	1074	976	939
- Chưa hoàn thành	8	7	0	0	1	0
III. Xếp loại năng lực						
1. Năng lực 1	8299	1420	1808	1802	1610	1659
Chia ra: - Tốt	4611	797	1038	947	869	960
- Đạt	3639	593	761	848	740	697
- Cần cố gắng	49	30	9	7	1	2
2. Năng lực 2	8299	1420	1808	1802	1610	1659
Chia ra: - Tốt	4528	804	1004	938	828	954
- Đạt	3722	585	795	859	780	703
- Cần cố gắng	49	31	9	5	2	2
3. Năng lực 3	8299	1420	1808	1802	1610	1659
Chia ra: - Tốt	4412	777	1002	918	798	917
- Đạt	3838	610	795	877	809	747

	Tổng số	Chia ra				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
- Cần cố gắng	59	33	11	7	3	5
IV. Xếp loại phẩm chất						
1. Phẩm chất 1	8299	1420	1808	1802	1610	1659
Chia ra: - Tốt	4792	811	1059	1003	884	1035
- Đạt	3474	588	745	797	724	620
- Cần cố gắng	33	21	4	2	2	4
2. Phẩm chất 2	8299	1420	1808	1802	1610	1659
Chia ra: - Tốt	4787	802	1081	1006	880	1018
- Đạt	3505	600	721	793	751	640
- Cần cố gắng	29	18	6	3	1	1
3. Phẩm chất 3	8299	1420	1808	1802	1610	1659
Chia ra: - Tốt	5052	856	1078	1072	946	1100
- Đạt	3231	548	724	728	673	558
- Cần cố gắng	26	16	6	2	1	1
4. Phẩm chất 4	8299	1420	1808	1802	1610	1659
Chia ra: - Tốt	5322	875	1142	1123	1001	1181
- Đạt	2983	531	661	677	632	482
- Cần cố gắng	18	11	3	2	1	1

Biểu số 8-MN-C

**BÁO CÁO THỐNG KÊ MẦM NON
Năm học 2016-2017**

		Đơn vị	Tổng số	Chia ra		
				Công lập	Dân lập	Tư thực
1. Trường		Trường	8	8		
Chia ra	Nhà trẻ	nhà	0	0		
	Trường mẫu giáo	trường	8	8		
	Trường mầm non	trường	0	0		
Nhóm trẻ độc lập (1)		Cơ sở				
Lớp mẫu giáo độc lập(1)		Cơ sở	0	0		
2. Nhóm, lớp (tổng số)		Nhóm, lớp	75	75		
Trong tổng số	Nhóm trẻ trong trường	Nhóm				
	Nhóm trẻ ghép (2)	"	0	0		
	Lớp Mẫu giáo trong trường	Lớp	75	75		
	Lớp mẫu giáo 5 tuổi	"	43	43		
	Lớp mẫu giáo ghép 2 độ tuổi	"	11	11		
	Lớp mẫu giáo ghép 3 độ tuổi	"	0	0		
3. Trẻ em		Người		x		
Trong tổng số	a. Trẻ em (0-2 tuổi) (điều tra hằng năm)	"	1.979	x	x	x
	b. Trẻ em nhà trẻ đến trường, lớp	"	0	0		
	c. Trẻ em 3-5 tuổi (điều tra hằng năm)	"	3.824	x	x	x
	d. Trẻ em mẫu giáo đến trường, lớp	"	2.119	2.119		
	e. Trẻ 5 tuổi (điều tra hằng năm)	"	1.313	x	x	x
	g. Trẻ em MG 5-6 tuổi đến trường, lớp	"	1.354	1.354		
4. Chất lượng chăm sóc trẻ em						
a. Kiểm tra sức khoẻ định kỳ: Trẻ nhà trẻ		"	0	0		
Trẻ mẫu giáo		"	2.145	2.145		
b. Theo dõi biểu đồ tăng trưởng: Trẻ nhà trẻ		"	0	0		
Trẻ mẫu giáo		"	2.145	2.145		
c. Trẻ em suy DD thể nhẹ cân (vừa và nặng):		"	9	9		
Trẻ nhà trẻ		"				
Trẻ mẫu giáo		"	10	10		
d. Trẻ em suy dinh dưỡng thể thấp còi (độ 1,2):		"	8	8		
Trẻ nhà trẻ		"				
Trẻ mẫu giáo		"	9	9		

	Đơn vị	Tổng số	Chia ra		
			Công lập	Dân lập	Tư thực
5. Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên	Người	128	128		
Trong T.số: - Biên chế	"	128	128	x	x
Chia ra	a. Hiệu trưởng (1)	"	8	8	
	Trong T.số: - Biên chế	"	8	8	x
	- Dân tộc	"			
	b. Phó Hiệu trưởng (1)	"	8	8	
	Trong T.số: - Biên chế	"	8	8	x
	- Dân tộc	"			
	c. Giáo viên nhà trẻ (tính cả hợp đồng từ 1 năm trở lên)	"	0	0	
	Trong T.số: - Biên chế	"	0	0	x
	- Dân tộc	"			
	d. Giáo viên mẫu giáo (tính cả hợp đồng từ 1 năm trở lên)	"	97	97	
	Trong T.số: - Biên chế	"	97	97	x
	- Dân tộc	"	12	12	
	e. Nhân viên (2)	"	15	15	
	Trong T.số: - Biên chế	"	15	15	x
	- Dân tộc	"	0	0	

I. Tổng số học sinh xếp loại hạnh kiểm		Tổng số	Chia ra			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
		3890	1116	1079	889	806
Chia ra	Tốt	3151	922	874	679	676
	Trong đó: - Nữ	1734	482	488	399	365
	- Dân tộc	309	145	66	51	47
	- Nữ dân tộc	142	48	35	33	26
	Khá	676	180	190	184	122
	Trong đó: - Nữ	150	31	53	33	33
	- Dân tộc	64	12	24	15	13
	- Nữ dân tộc	15	2	5	3	5
	Trung bình	62	14	14	26	8
	Trong đó: - Nữ	15	2	1	12	0
	- Dân tộc	5	1	0	3	1
	- Nữ dân tộc	0	0	0	0	0
	Yếu	1	0	1	0	0
	Trong đó: - Nữ	0	0	0	0	0
	- Dân tộc	0	0	0	0	0
- Nữ dân tộc	0	0	0	0	0	
II. Tổng số học sinh xếp loại học lực		3890	1116	1079	889	806
Chia ra	Giỏi	1049	319	303	225	202
	Trong đó: - Nữ	696	220	202	144	130
	- Dân tộc	75	28	20	16	11
	- Nữ dân tộc	47	21	11	8	7
	Khá	1736	483	468	402	383
	Trong đó: - Nữ	923	221	260	237	205
	- Dân tộc	126	28	36	30	32
	- Nữ dân tộc	78	19	20	22	17
	Trung bình	1079	306	299	253	221
	Trong đó: - Nữ	274	73	77	61	63
	- Dân tộc	104	32	32	22	18
	- Nữ dân tộc	31	10	8	6	7
	Yếu	25	8	8	9	0
	Trong đó: - Nữ	6	1	3	2	0
	- Dân tộc	3	0	2	1	0
	- Nữ dân tộc	1	0	1	0	0
	Kém	1	0	1	0	0
	Trong đó: - Nữ	0	0	0	0	0
	- Dân tộc	0	0	0	0	0
- Nữ dân tộc	0	0	0	0	0	
III. Số học sinh không xếp loại		0	0	0	0	0

		Đơn vị	Tổng số	Chia ra				
				Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
1. Trường		Trường	15	x	x	x	x	x
Trong tổng số	Đạt chuẩn quốc gia	Trường	12	x	x	x	x	x
	Phổ biến cho CMHS về các CTGD phòng, chống HIV trên nền tảng kỹ năng sống và giáo dục sức khỏe sinh sản.	Trường	1	x	x	x	x	x
2. Lớp		Lớp	388	78	83	82	71	74
3. Học sinh		Người	8299	1420	1808	1802	1610	1659
Trong tổng số	- Nữ	"	3955	696	870	834	781	774
	- Dân tộc	"	689	155	154	139	118	123
	- Nữ dân tộc	"	340	71	67	72	68	62
	- Khuyết tật học hòa nhập	"	29	12	7	3	4	3
	- Học chương trình giáo dục của Bộ GD&ĐT về sức khỏe sinh sản và HIV/AIDS dựa trên kỹ năng sống	"	860	125	191	192	172	180
- Số học sinh chuyển đi trong năm học		"	165	61	27	23	22	32
- Số học sinh chuyển đến trong năm học		"	80	30	21	12	8	9
- Số trẻ em ngoài nhà trường (*)			25	4	8	3	4	6
Tổng hợp kết quả cuối năm			8299	1420	1808	1802	1610	1659
- Số học sinh lên lớp		"	8186	1361	1783	1786	1602	1654
- Số học sinh lưu ban		"	24	14	3	5	2	0
- Số học sinh thi lại		"	89	45	22	11	6	5
4. Giáo viên (tính cả hợp đồng)		Người	618	x	x	x	x	x
Tổng số GV và nhân viên được tập huấn và tham gia giảng dạy về phòng, chống HIV trên nền tảng kỹ năng sống và giáo dục sức khỏe sinh sản.		"	618	x	x	x	x	x
Trong đó : Số nhân viên được tập huấn và tham gia giảng dạy về phòng, chống HIV trên nền tảng kỹ năng sống và giáo dục sức khỏe sinh sản.		"	11	x	x	x	x	x

Biểu số 17-TH-TN**THỐNG KÊ HỌC SINH HOÀN THÀNH CHƯƠNG TRÌNH TIỂU HỌC**

Năm học 2016-2017

		Tổng số	Trong tổng số		
			Nữ	Dân tộc	
				Tổng số	Nữ
Tổng số học sinh lớp 5		1659	774	123	62
Trong đó	+ Khuyết tật học hòa nhập	3	1	0	
	+ Mồ côi cả cha lẫn mẹ	3	0	0	
	+ Có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo theo quy định	201	79	34	13
Số học sinh được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học		1654	773	121	62
Trong đó	+ Khuyết tật học hòa nhập	3	1	0	
	+ Mồ côi cả cha lẫn mẹ	3	0	0	0
	+ Có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo theo quy định	201	79	34	13
Số HS được công nhận HTCT Tiểu học chia theo độ tuổi	10 tuổi	0	0	0	0
	11 tuổi	1440	681	89	49
	12 tuổi	159	67	22	9
	13 tuổi	45	20	9	3
	14 tuổi trở lên	10	5	1	1

		Đơn vị	Tổng số	Chia ra			
				Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
1. Trường			10	x	x	x	x
1.1 Trường trung học cơ sở		trường	6	x	x	x	x
Trong tổng số	Đạt chuẩn quốc gia	Trường	5	x	x	x	x
	Phổ biến cho CMHS về các CTGD phòng, chống HIV trên nền tảng kỹ năng sống và giáo dục sức khỏe sinh sản.	Trường	6	x	x	x	x
1.1 Trường phổ thông cơ sở (cấp 1+2)		"	4	x	x	x	x
Trong tổng số	Đạt chuẩn quốc gia	Trường		x	x	x	x
	Phổ biến cho CMHS về các CTGD phòng, chống HIV trên nền tảng kỹ năng sống và giáo dục sức khỏe sinh sản.	Trường	4	x	x	x	x
2. Lớp		lớp	128	35	35	30	28
3. Học sinh		Học sinh	3890	1116	1079	889	806
Trong tổng số	- Nữ	"	1900	515	542	444	399
	- Dân tộc	"	308	88	90	70	60
	- Nữ dân tộc	"	156	50	39	37	30
	- Khuyết tật học hòa nhập	"	2	0	1	0	1
	- Học chương trình giáo dục của Bộ GD&ĐT về sức khỏe sinh sản và HIV/AIDS dựa trên kỹ năng sống	"	3890	1116	1079	889	806
- Số học sinh chuyển đi trong năm học		"	138	32	37	39	30
- Số học sinh chuyển đến trong năm học		"	5	0	3	1	1
- Số trẻ em ngoài nhà trường(*)		"	0	0	0	0	0
Tổng hợp kết quả cuối năm			3890	1116	1079	889	806
- Số học sinh lên lớp		"	3864	1108	1070	880	806
- Số học sinh lưu ban		"	1	0	1	0	0
- Số học sinh thi lại		"	25	8	8	9	0
4. Giáo viên (tính cả hợp đồng từ 1 năm trở lên)		người	240	x	x	x	x
Tổng số GV và nhân viên được tập huấn và tham gia giảng dạy về phòng, chống HIV trên nền tảng kỹ năng sống và giáo dục sức khỏe sinh sản.		"	256	x	x	x	x
Trong đó : Số nhân viên được tập huấn và tham gia giảng dạy về phòng, chống HIV trên nền tảng kỹ năng sống và giáo dục sức khỏe sinh sản.		"	34	x	x	x	x
		Đơn vị	Tổng số	Trong tổng số			
				Nữ	Dân tộc		Nữ
Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi		"	140		79	7	
Chia ra:	- Cấp quận/huyện	"	123	71	7		
	- Cấp tỉnh/thành phố	"	16	8	0		

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BÁO CÁO
TỔNG KẾT NĂM HỌC 2016-2017 VÀ
PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM
CỦA GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO DỤC PHỔ THÔNG,
NĂM HỌC 2017-2018

Vĩnh Thuận, ngày 16 tháng 8 năm 2017